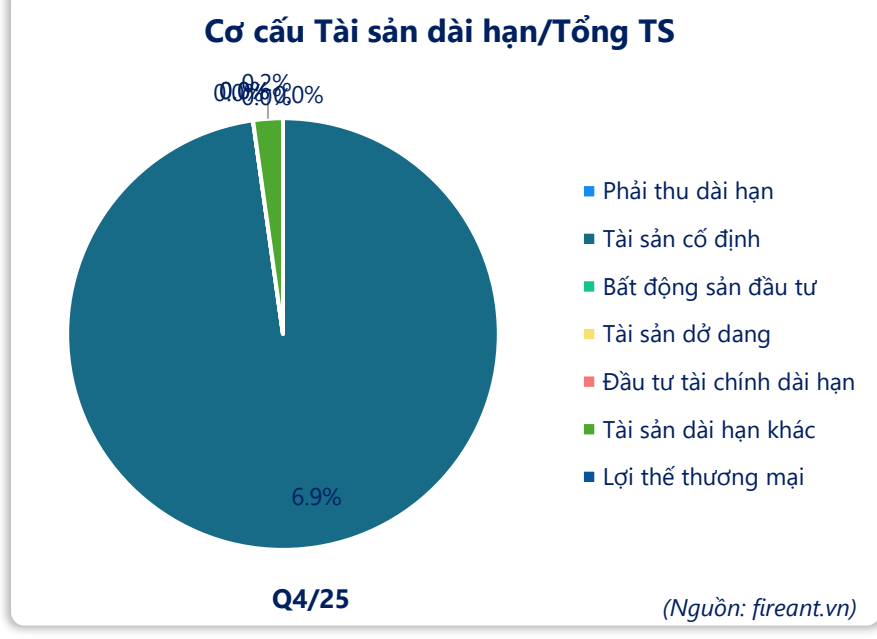
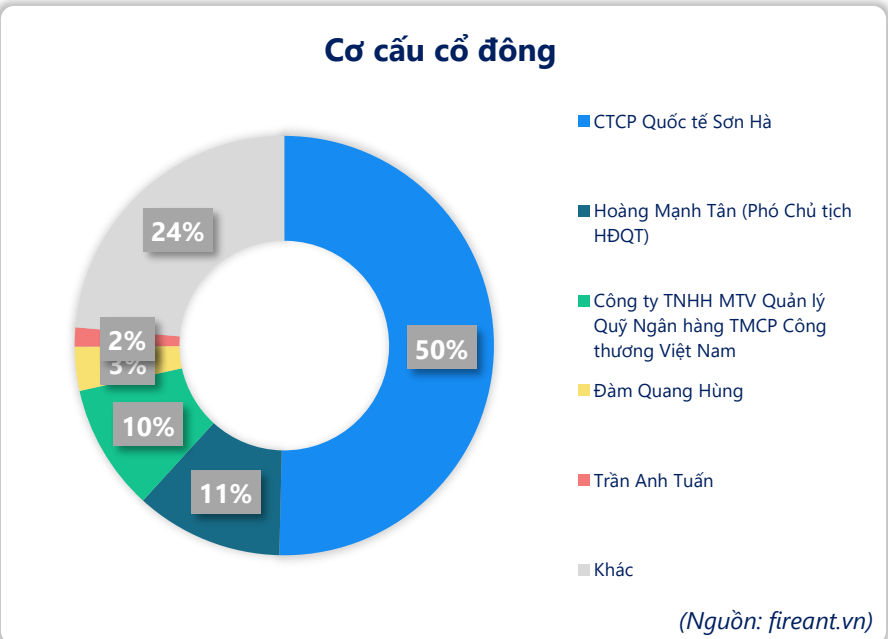
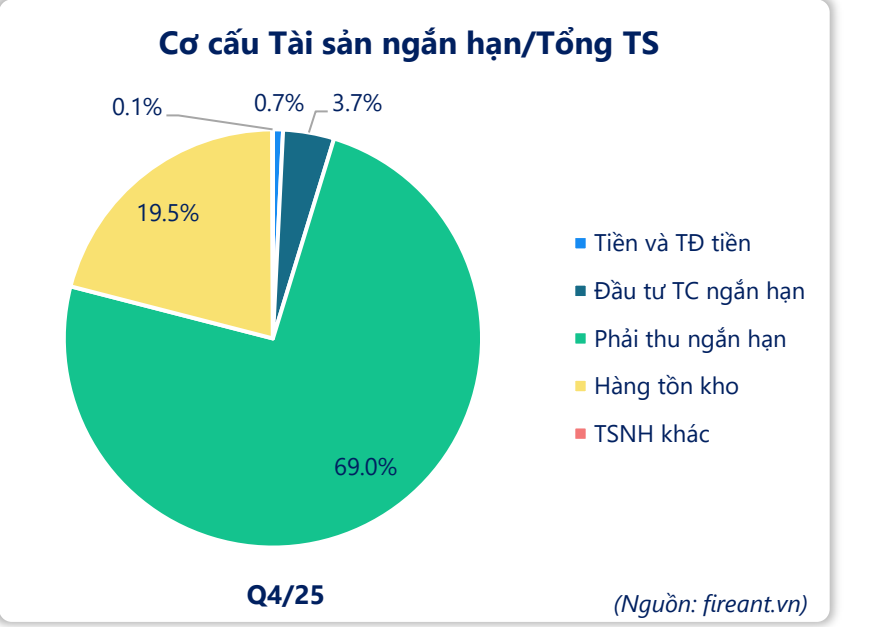
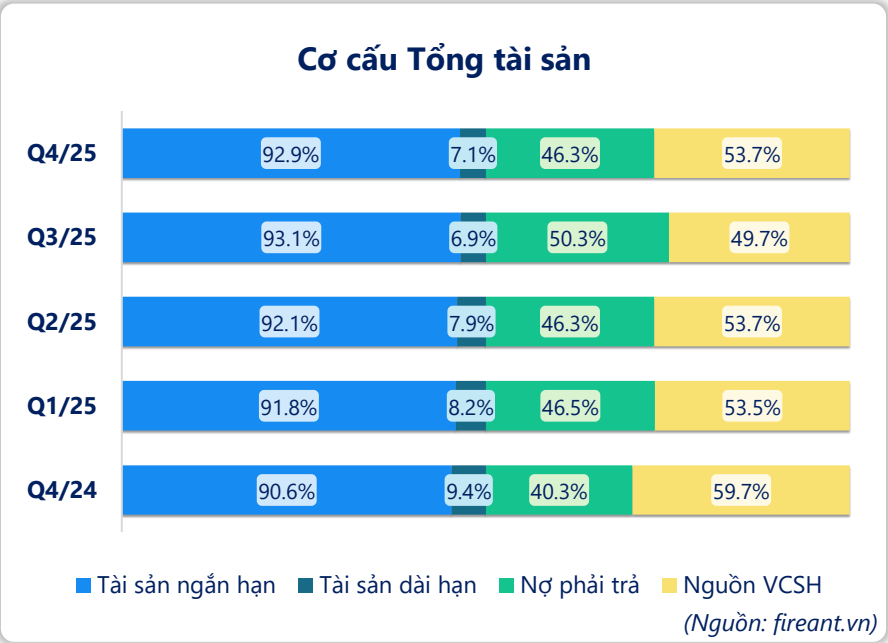
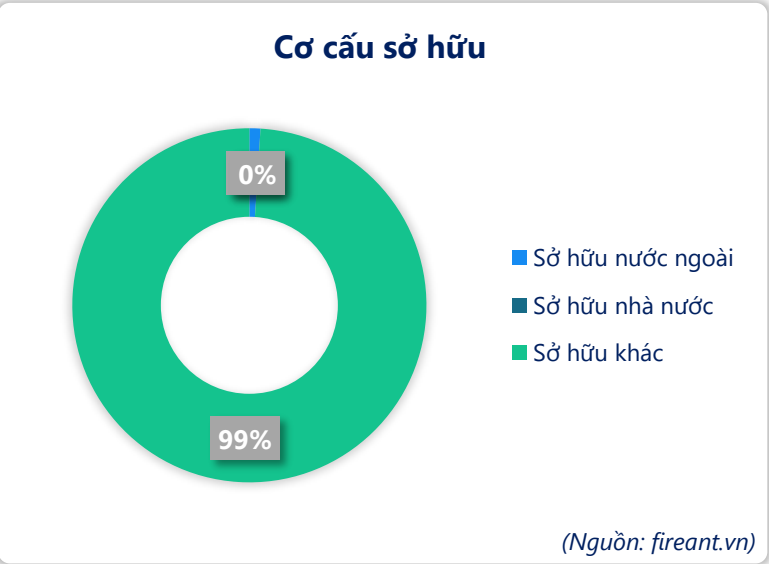
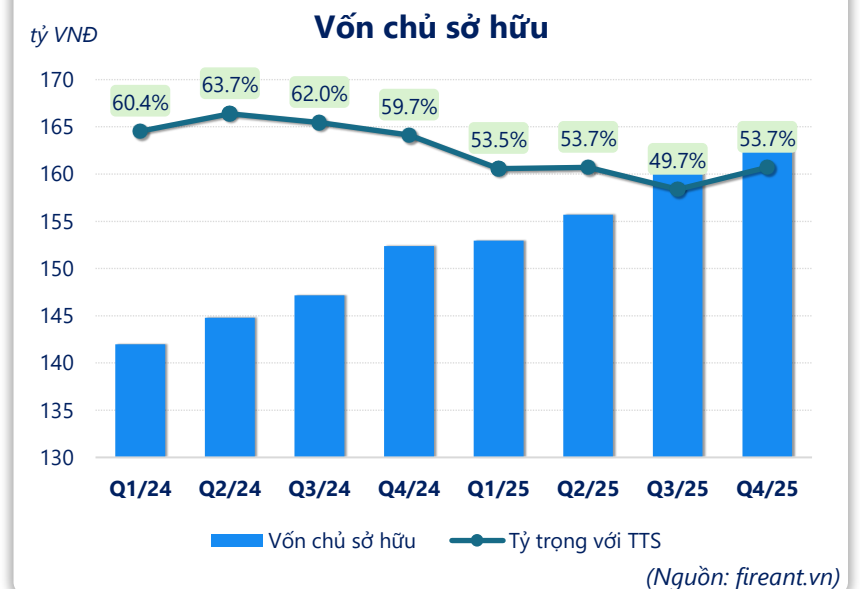
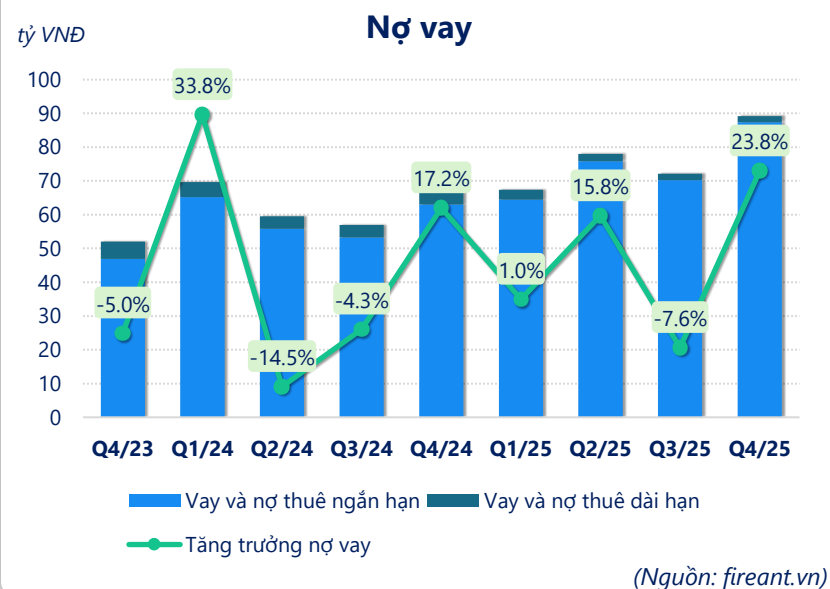
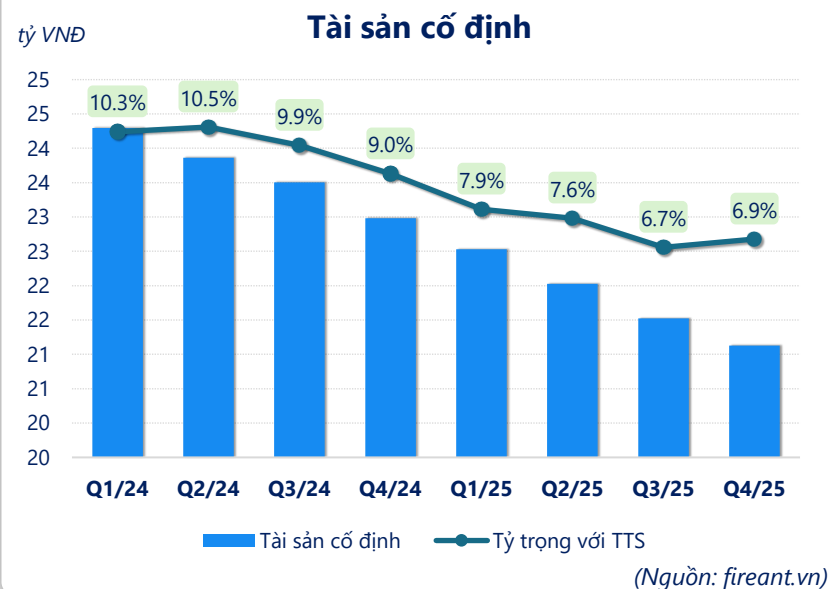
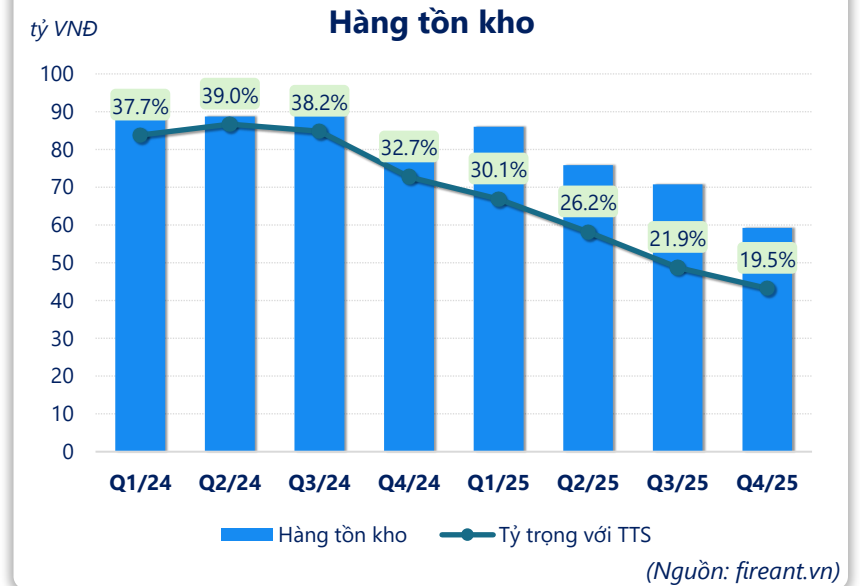
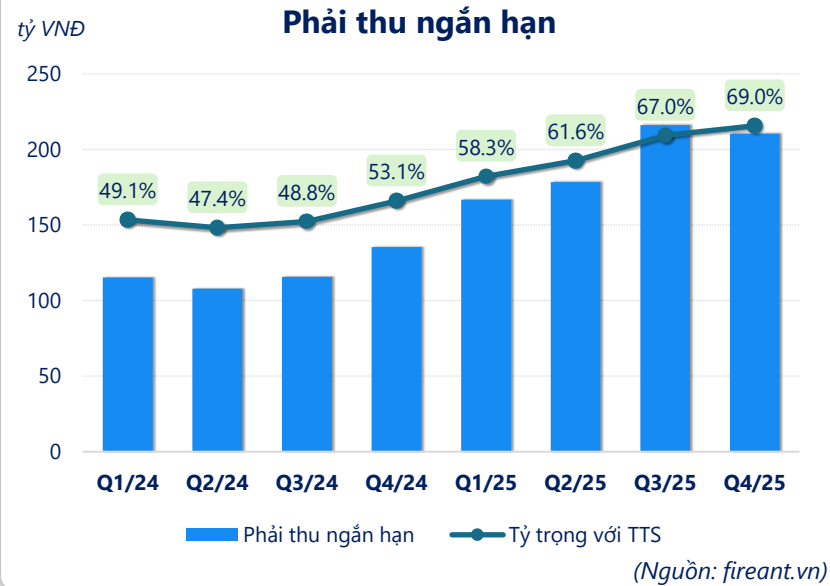
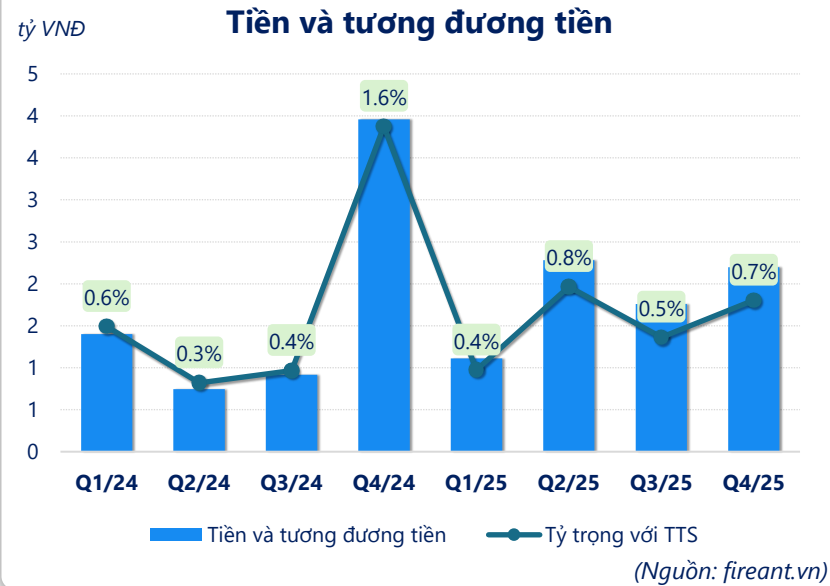
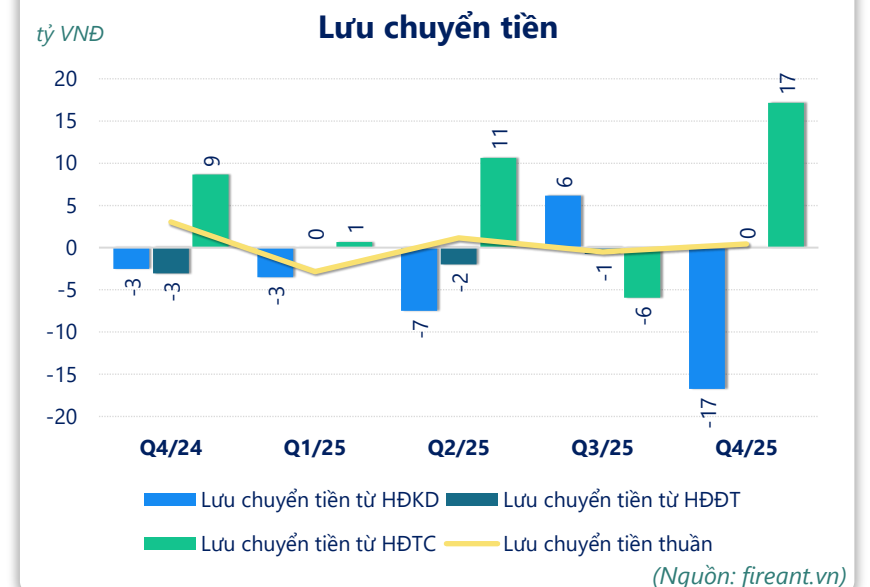
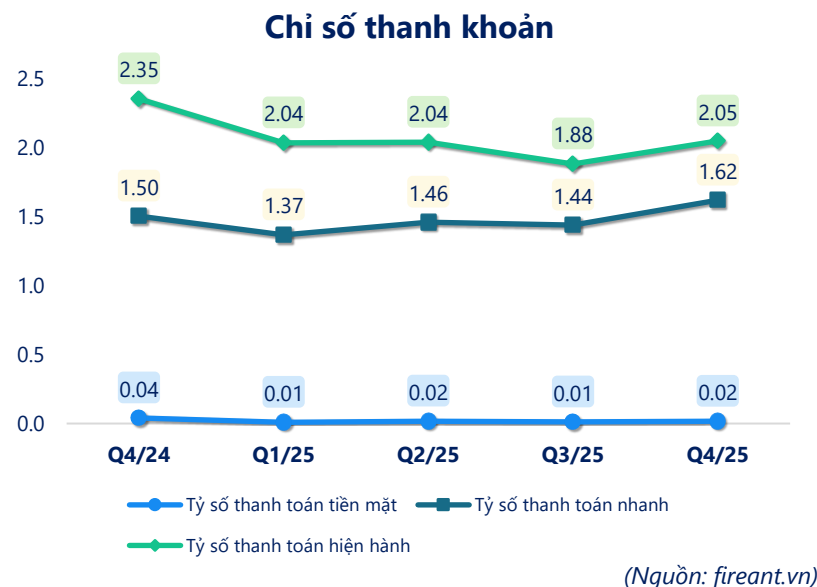
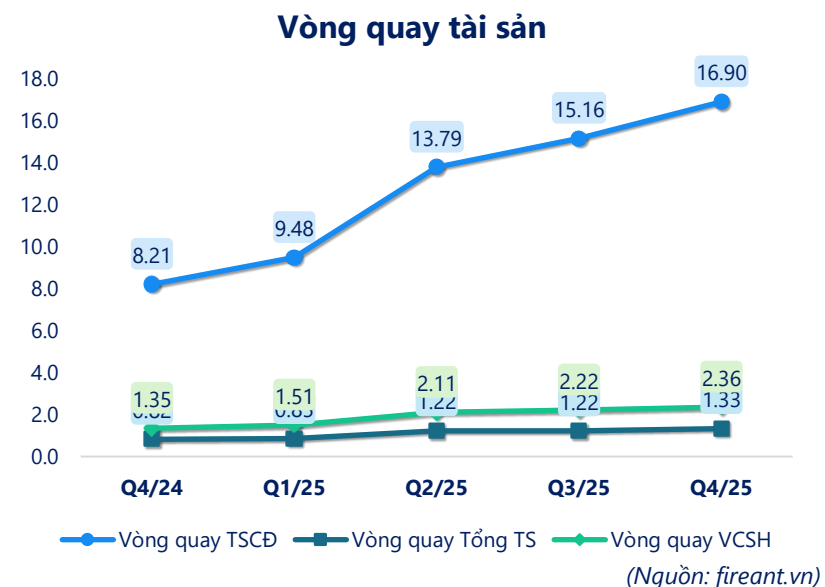
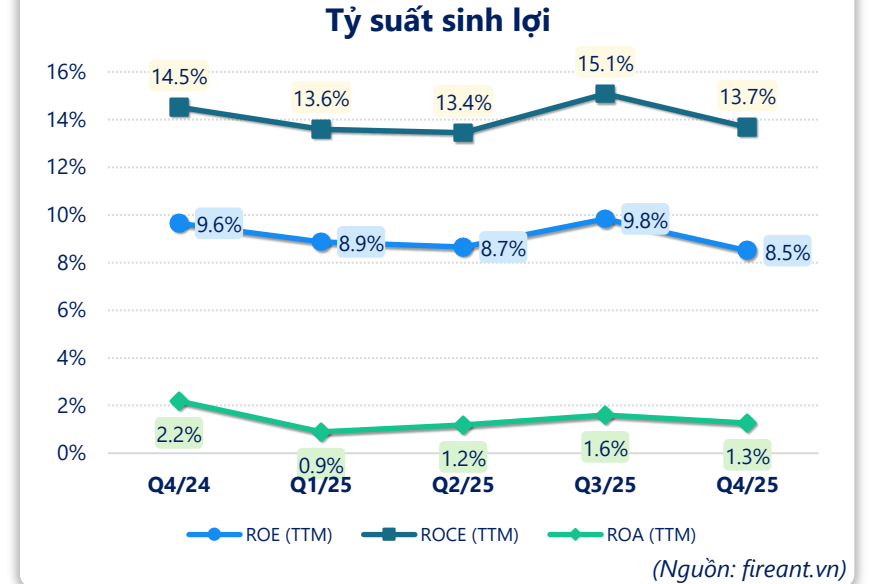
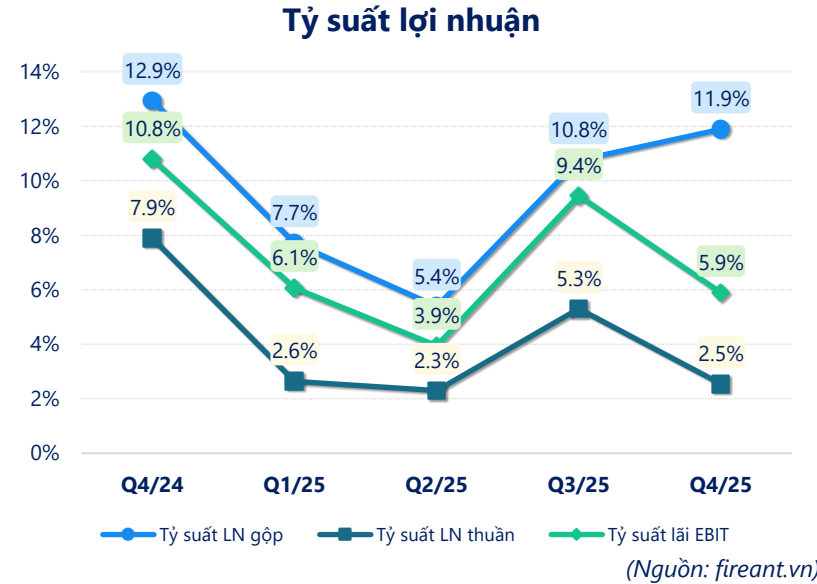
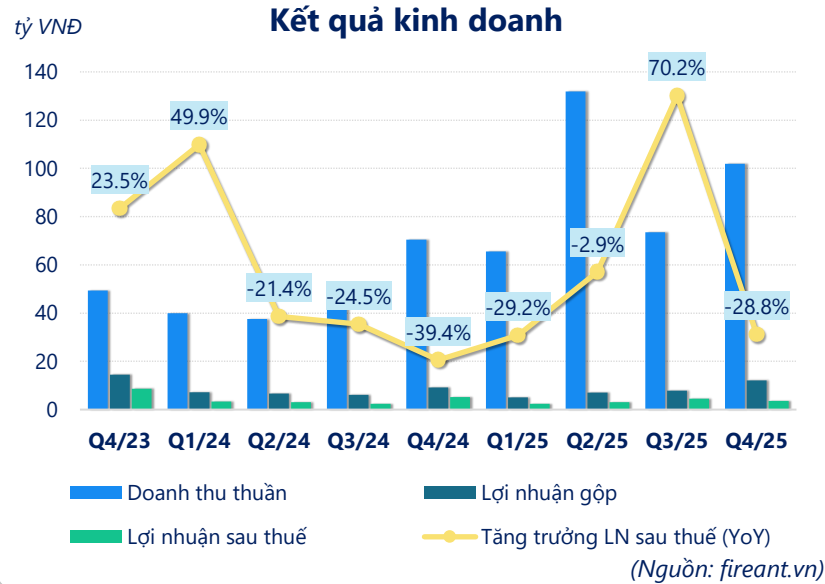


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,071
SL cổ phiếu LH		14,953,156
KLGD BQ 20 phiên (CP)		19,320
% sở hữu nước ngoài		1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		102
P/E		7.6
EPS		898

	YTD	1T	3T	6T
SHE	-1.7%	-5.6%	-6.8%	-6.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	305	253	20.5%
Tài sản ngắn hạn	283	229	23.7%
Tiền và tương đương tiền	2.20	3.96	-44.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.2	8.18	36.7%
Phải thu ngắn hạn	210	133	58.1%
Hàng tồn kho	59.3	83.5	-29.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.15	0.16	-2.1%
Tài sản dài hạn	21.6	24.0	-9.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	21.1	23.0	-8.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.48	0.98	-50.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	141	102	38.0%
Nợ ngắn hạn	138	98.3	40.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	87.4	63.8	37.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	43.6	27.0	61.2%
Nợ dài hạn	2.75	3.86	-28.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.84	2.95	-37.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	164	151	8.7%
Vốn chủ sở hữu	164	151	8.7%
Vốn điều lệ	150	115	30.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	70.5	65.5	132	73.5	102
Giá vốn hàng bán	61.4	60.5	125	65.6	89.8
Lợi nhuận gộp	9.12	5.05	7.11	7.90	12.1
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	0.15	0.02	0.38
Chi phí TC	1.09	1.05	1.43	1.33	1.53
Chi phí lãi vay	1.06	1.05	1.39	1.32	1.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.71	0.45	0.44	0.56	0.57
Chi phí QLDN	1.78	1.84	2.35	2.14	7.81
LN thuần từ HĐKD	5.56	1.73	3.03	3.89	2.59
Lợi nhuận khác	0.98	1.20	0.78	1.72	1.90
LN trước thuế	6.54	2.93	3.82	5.61	4.49
Lợi nhuận sau thuế	5.23	2.34	3.05	4.49	3.56
LNST của CĐ cty mẹ	5.23	2.34	3.05	4.49	3.56

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.53	-3.49	-7.48	6.17	-16.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.07	0.00	-2.00	-0.75	0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.64	0.64	10.6	-5.94	17.1
Tiền đầu kỳ	0.92	3.96	1.11	2.28	1.76
Lưu chuyển tiền thuần	3.04	-2.85	1.17	-0.52	0.44
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.96	1.11	2.28	1.76	2.20

(Nguồn: fireant.vn)